TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 383/2017/HSST
Ngày: 20-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diện

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quỹ

Bà Trần Thị Ánh Tuyết

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khiển - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 383/2017/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 383/2017/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Thị K, sinh 1976; đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 14 Xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú: thôn B, phường H, quận H1, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: lớp 07/10; D tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn N (đã chết) và bà: Vũ Thị N1, sinh năm 1940; đã ly hôn chồng và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 16-8-2017; có mặt.

2. Họ và tên: Trần Nhật D, sinh 1968; nơi cư trú: xóm 10, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: lớp 07/10; D tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Xuân C (đã chết) và bà: Trần Thị B, sinh năm 1948; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 16-8-2017; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1970; trú tại: Xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị P sinh năm 1982, chị Lê Thị Y, anh

Nguyễn Huy T, chị Nguyễn Thị P sinh năm 1959, chị Phạm Thị Thúy M, anh Nguyễn Trần T; (không triệu tập tham gia phiên tòa; vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị K và Vũ Thị H cùng làm nghề buôn bán nông sản đỗ hạt tại tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình buôn bán làm ăn với nhau, K và H xảy ra mâu thuẫn. Do làm ăn thua lỗ nên vào khoảng cuối tháng 9/2016, K và Trần Nhật D chung sống với nhau như vợ chồng, chuyển ra sinh sống tại thôn B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội, sau đó D về sống tại xóm 10, xã T, huyện T1, tỉnh Nam Định. K biết chị H vẫn thường xuyên buôn bán chuyển hàng nông sản ra Nam Định bán cho chị Vũ Thị N, sinh năm 1956, trú tại: số 62 đường H, phường P, thành phố N (bán hàng nông sản ở chợ M) nên K bàn với D dùng tên giả và dùng số điện thoại bằng sim rác để mua hàng nông sản của chị H rồi chiếm đoạt. Sau đó K đi mua 02 sim rác; K dùng số điện thoại 01239411297 và đưa cho D dùng số điện thoại 01659332619 để liên lạc. K dùng số điện thoại trên gọi liên hệ với chị H, xưng tên mình là H1 và tự giới thiệu là người quen của chị N đặt mua hàng đỗ hạt các loại chuyển ra N, chị H tưởng thật nên đồng ý; hai bên thỏa thuận khi nào nhận hàng thì thanh toán hết tiền, tiền xe vận chuyển và tiền bốc xếp do chị H chi trả nhưng K sẽ thanh toán trước rồi trừ vào tiền hàng sau. Sau đó D đến thuê kho hàng của chị Phạm Thị Thúy M, sinh năm 1974, trú tại: số 77 đường H, phường V, thành phố N là chủ kho hàng tại bến xe ô tô khách N. Khi thuê kho hàng, D nói tên mình là H2, vợ là H1. D thỏa thuận với Minh giá thuê kho là 800.000đồng/tháng và đưa cho chị M 1.000.000 (một triệu) đồng tiền đặt cọc thuê kho. Ngày 03-7-2017, chị H thuê xe ô tô chở ra cho K 21 bao đỗ đen và 05 bao đỗ xanh (trọng lượng mỗi bao là 70kg) giá tiền hàng trung bình là 35.923 đồng/1kg tương ứng tiền hàng 65.380.000 (sáu mươi lăm triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng. Để tránh tiếp xúc với người giao hàng, D dùng số điện thoại K đưa cho gọi điện nhờ chị M nhận hàng và thuê người bốc dỡ hàng. Ngày 04-7-2017, D đưa cho chị M 4.000.000 (bốn triệu) đồng để thanh toán tiền xe và bốc xếp hàng. Sau đó để chị H tin tưởng nhằm tiếp tục chiếm đoạt tài sản nhiều hơn, ngày 05-7-2017 K đã chuyển khoản thanh toán cho chị H số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Ngày 07-7-2017, K tiếp tục lấy tên là H1 ở N và dùng sim điện thoại 01239411297 gọi điện hỏi mua hàng của chị H. K thỏa thuận mua của chị H 102 bao đỗ bao gồm: 33 bao đỗ đen loại nhỏ, 33 bao đỗ đen loại to, 36 bao đỗ xanh, trọng lượng mỗi bao hàng, phương thức giao hàng và thanh toán vẫn như lần trước. Ngày 10-7-2017, chị H chuyển hàng ra cho K đúng như đã thỏa thuận, gồm 102 bao đỗ hạt các loại, giá tiền hàng trung bình là 32.705,9 đồng/1kg tương ứng tiền hàng là 233.520.000 (hai trăm ba mươi ba triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng. Chị M trả giúp tiền bốc vác và thuê xe của hai chuyến là 10.000.000 (mười triệu) đồng. Ngay sau khi chị M thông báo đã nhận đủ 128 bao đỗ, K đã thuê anh Nguyễn Trần T chở toàn bộ 128 bao đỗ về thị trấn Y và

bảo con trai là Lê Huy B cùng đi theo xe với anh Thắng. K đưa cho anh Bình 6.000.000 (sáu triệu) đồng để B giao cho chị M thanh toán tiền thuê kho và tiền xe, bốc xếp hàng. Để tránh chị M nghi ngờ, ngày 11-7-2017, D tiếp tục giao cho chị M số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng với lý do thanh toán tiền thuê kho, tiền bốc hàng và tiền xe những chuyến hàng sau. Số hàng trên K đã bán cho những người sau:

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1982, trú tại: thôn T, thị trấn Y, tỉnh Hưng Yên 41 bao đỗ xanh được 55.0000.0000 (năm mươi lăm triệu) đồng, tương ứng giá 19.163,76 đồng/kg.

- Chị Lê Thị Y, sinh năm 1978, trú tại: thôn T, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc 25 bao đỗ đen loại nhỏ và 05 bao đỗ đen loại to được 71.080.000 (bảy mươi mốt triệu không trăm tám mươi) đồng tương ứng với giá 33.847,6 đồng/kg.

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1959, trú tại: số 715 đường N, phường H, thành phố H1 22 bao đỗ đen loại nhỏ và 28 bao đỗ đen loại to được số tiền là 109.500.000 (một trăm linh chín triệu năm trăm nghìn) đồng tương ứng giá 31.285,7 đồng/kg.

- Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1960, trú tại: tổ 8, thị trấn Đ, tỉnh Thái Bình 07 bao đỗ đen loại nhỏ được số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng tương ứng với giá 34.693,8 đồng/kg.

Như vậy, toàn bộ 128 bao đỗ tương đương 8960kg của chị H, K bán được tổng số tiền 252.580.000 (hai trăm năm mươi hai triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng. Số tiền này, K và D đã chi tiêu cá nhân hết; sau đó K và D tắt điện thoại, không liên lạc với chị H.

Ngày 17-7-2017, chị H làm đơn trình báo sự việc trên, chị H khai chị đã chuyển cho K và D tổng cộng 128 bao đỗ các loại tương ứng 8960kg với tổng giá trị đã thỏa thuận mua bán là 298.900.000 (hai trăm chín mươi tám triệu chín trăm nghìn) đồng; chị được K thanh toán số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng qua tài khoản và 10.000.000 (mười triệu) đồng trả tiền cước xe và bốc xếp, tổng cộng là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Sau khi tiến hành điều tra làm rõ vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã bắt khẩn cấp đối với K và D, thu giữ của K chiếc điện thoại Nokia lắp số sim 01659332619. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, K và D khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình như đã nêu trên.

Toàn bộ số đỗ K mang đi tiêu thụ đều đã bán vào thị trường cho người tiêu dùng nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N định giá qua hồ sơ kết luận: 128 bao đỗ (đậu) gồm 33 bao đỗ đen hạt to, 54 bao đỗ đen hạt nhỏ, 41 bao đỗ xanh là vật chứng trong vụ án có tổng giá trị 340.375.000 (ba trăm bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Về vấn đề dân sự, K và chị H thỏa thuận theo đó K bồi thường cho chị H số

tiền 238.900.000 (hai trăm ba mươi tám triệu chín trăm nghìn) đồng, chị H đã nhận số tiền trên và không có đề nghị gì khác. Về tiền thuê kho và công bốc xếp hàng, K và D đã giao cho chị Phạm Thị Thúy M tổng cộng 24.000.000 đồng, chị M đã thanh toán hết 11.000.000 đồng, còn lại 13.000.000 đồng chị M đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền này cho K.

Bản cáo trạng số 393/CT-VKS ngày 24-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố Lê Thị K và Trần Nhật D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà:

Bị cáo Lê Thị K khai: Trong thời gian cùng làm nghề buôn bán đỗ hạt các loại tại Đắk Lắk với chị Vũ Thị H, giữa bị cáo và chị H đã xảy ra mâu thuẫn do cạnh tranh trong làm ăn. Khi về miền Bắc làm ăn, chị N là khách hàng cũ của bị cáo từ chối mua hàng của bị cáo vì lý do mua hàng của chị H đẹp và rẻ hơn. Do thù tức với chị H, bị cáo đã bàn với bị cáo Trần Nhật D dùng tên giả, sim điện thoại không đăng ký chính chủ để lên lạc mua đỗ của chị H rồi không trả tiền cho chị H. Bị cáo biết phương thức bán hàng của chị H là giao dịch qua điện thoại, sau khi bên mua nhận hàng thì gửi tiền vào tài khoản của chị H. Bị cáo và bị cáo D thống nhất: bị cáo liên lạc trao đổi mua hàng của chị H còn bị cáo D thuê kho để chứa hàng. Từ ngày 03-7-2017 đến ngày 11-7-2017, bị cáo dùng tên là H1 liên lạc với chị H hỏi mua đỗ; chị H đã tin tưởng chuyển ra thành phố N cho bị cáo Lê Thị K tổng cộng là 128 bao đỗ đen, đỗ xanh theo giá thỏa thuận là 298.900.000 (hai trăm chín mươi tám triệu chín trăm nghìn) đồng gồm cả chi phí vận chuyển. Sau khi nhận hàng lần thứ nhất, nhằm lấy lòng tin của chị H để chị H tiếp tục gửi hàng, bị cáo đã thanh toán cho chị H số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng qua tài khoản và 10.000.000 (mười triệu) đồng trả tiền cước xe và bốc vác, tổng cộng là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Toàn bộ 128 bao đỗ tương đương 8960kg mua của chị H, bị cáo bán được tổng số tiền 252.580.000 (hai trăm năm mươi hai triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng, bị cáo chi tiêu cá nhân hết không chia cho D. Bị cáo K đã bồi thường cho chị H toàn bộ số tiền tương đương với số tiền hàng chưa thanh toán là 238.900.000 (hai trăm ba mươi tám triệu chín trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Trần Nhật D khai: Do bị cáo K mâu thuẫn làm ăn với chị H nên bị cáo K đã bàn với bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị H để trả thù chị H. Toàn bộ sự việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị H thì K là người khởi xướng, rủ rê, phân công cho bị cáo thuê kho bãi để thực hiện hành vi lừa đảo như lời khai của bị cáo K tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trần Nhật D; xử phạt bị cáo

K từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, xử phạt bị cáo D từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự, Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

Bị cáo K và bị cáo D không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị K và Trần Nhật D không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Lê Thị K và bị cáo Trần Nhật D có mục đích chiếm đoạt tài sản của chị H nên đã bàn bạc cùng nhau dùng thủ đoạn gian dối là đưa ra thông tin không đúng về lai lịch, dùng số điện thoại không đăng ký để chị H đồng ý bán hàng cho K, bị cáo D thực hiện việc thuê kho nhận hàng; sau đó các bị cáo không trả tiền hàng cho chị H. Chị H lầm tưởng nên đã đồng ý thực hiện giao dịch với bị cáo K, bán hàng đỗ hạt các loại cho bị cáo K với giá trị 298.900.000 đồng, trong đó bị cáo K đã trả chị H số tiền 60.000.000 đồng sau lần nhận hàng đầu tiên để tạo lòng tin. Như vậy, các bị cáo đã chiếm đoạt của chị H số đỗ hạt có giá trị theo thỏa thuận mua bán giữa bị hại và bị cáo là 238.900.000 (hai trăm ba mươi tám triệu chín trăm nghìn) đồng. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, cùng cố ý thực hiện thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản. Do đó, các bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 với tình tiết định khung là "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng". Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét vai trò của từng bị cáo, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên là đồng phạm, trong đó bị cáo K là người khởi xướng, rủ rê và phân công D thực hiện hành vi phạm tội; trực tiếp liên lạc với bị hại để thực hiện hành vi lừa đảo; bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo K. Do đó xếp vai trò của bị cáo K cao hơn bị cáo D. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, thể hiện ở chỗ các bị cáo đã có sự bàn bạc, phân công nhau, dùng thủ đoạn gian dối tạo lòng tin chiếm đoạt tài sản có giá

trị tương đối lớn, gây mất trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; do đó được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, cha đẻ bị cáo D được thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo K đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; do đó các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù trong khung hình phạt đối với bị cáo K và căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo D là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vấn đề dân sự: Bị hại là chị Vũ Thị H đã nhận số tiền 238.900.000 (hai trăm ba mươi tám triệu chín trăm nghìn) đồng do bị cáo Lê Thị K bồi thường và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động Nokia đã cũ và 01 sim điện thoại di động đã thu giữ là phương tiện bị cáo K dùng vào việc phạm tội, giá trị không đáng kể nên tịch thu, tiêu hủy.

[7] Đối với chị Phạm Thị Thúy M đã nhận hàng cho các bị cáo và cho thuê kho chứa hàng; anh Lê Huy B (con bị cáo K), anh Nguyễn Trần T là người chở hàng cho các bị cáo; chị Nguyễn Thị P sinh năm 1982, chị Lê Thị Y, anh Nguyễn Huy T, chị Nguyễn Thị P sinh năm 1959, đã mua số đỗ của các bị cáo đều không biết số tài sản này do bị cáo phạm tội mà có nên những người này không phải là người có nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Thị K và Trần Nhật D phải chịu án phí hình sự và án phí D sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 76, Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trần Nhật D:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị K và Trần Nhật D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Thị K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 16-8-2017.

Xử phạt bị cáo Trần Nhật D 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 16-8-2017.

2. Xử lý vật chứng: tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại và 01 sim điện thoại di động đã thu giữ (chi tiết vật chứng ghi trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 23-11-2017).

3. Án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Lê Thị K và Trần Nhật D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là chị Vũ Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diện

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.